**“QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT” ĐỈNH CAO CỦA THÀNH TỰU LUẬT PHÁP VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN**

**Nguyễn Thị Kim Tiến**

“Quốc triều hình luật” là một trong những bộ luật quan trọng nhất của Việt Nam thời kỳ phong kiến. Nói đến Quốc triều hình luật người ta nghĩ ngay đến một bộ luật có kĩ thuật lập pháp cao, nội dung phong phú, toàn diện với nhiều giá trị nổi bật trong lịch sử pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến. Quốc triều hình luật không chỉ được đánh giá cao hơn hẳn so với những thành tựu pháp luật của các triều đại trước đó mà còn có nhiều ý nghĩa quan trọng đối với việc biên soạn nhiều bộ luật khác của các triều đại phong kiến Việt Nam sau này.

**1.1. Sự ra đời và nội dung chính của “Quốc triều hình luật”**

“Quốc triều hình luật”ra đời trong triều đại nhà Hậu Lê (sơ kỳ) – thời kỳ đất nước ta đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến tập quyền. Do nhu cầu phát triển của chế nhằm xác lập sự thống trị của nhà Lê. Các vua đầu triều đã sớm có ý thức xây dựng những quy định, và luật lệ để quản lý các vấn đề trong nước: Lê Lợi đã huy động một số đại thần soạn luật lệ về kiện tụng, về phân chia ruộng đất, về hình phạt, ân xá, … Đến thời Lê Thái Tông đã xây dựng những nguyên tắc xử các vụ án kiện cáo, hối lộ và về những hành động giao thiệp với người nước ngoài. Đời Lê Nhân Tông đã ban hành 14 điều luật về quyền tư hữu ruộng đất. Và đỉnh cao của quá trình xây dựng hệ thống luật pháp của nhà Lê chính là việc ban hành “Quốc triều hình luật” (còn gọi là “Bộ luật Hồng Đức” hoặc “Lê triều hình luật”) dưới triều Lê Thánh Tông năm 1483. Văn bản gốc của Bộ luật này hiện nay không còn. Bản “Quốc triều hình luật” được giữ lại cho đến ngày nay đã được các vua thời Lê mạt bổ sung ít nhiều, ban hành năm 1777 (Cảnh Hưng thứ 38). Bộ Quốc triều hình luật bao gồm 6 quyển, 722 điều:

+ Quyển 1 có 2 chương: Danh lệ (49 điều), Cấm vệ (47 điều)

+ Quyển 2 có 2 chương: Vi chế (144 điều), Quân chính (43 điều)

+ Quyển 3 có 3 chương: Hộ hôn (58 điều), Điền sản (59 điều), Thông gian (10 điều)

+ Quyển 4 có 2 chương: Đạo tặc (54 điều), Đấu tụng (50 điều)

+ Quyển 5 có 2 chương: Trá nguỵ (38 điều), Tạp luật (92 điều)

+ Quyển 6 có 2 chương: Bộ vong (13 điều), Đoản ngục (65 điều)1. “Quốc triều hình luật” là một bộ luật có tính chất tổng hợp, phạm vi điều chỉnh rất rộng và được xây dựng dưới dạng hình sự, áp dụng chế tài hình luật. Các nhà nghiên cứu thường chia nội dung của nó thành: luật Hình, luật Dân sự, luật Hôn nhân gia đình và luật Tố tụng.

**1.2. Những đặc trưng cơ bản của “Quốc triều hình luật”**

***1.2.1. “Quốc triều hình luật” là sự kế thừa và sáng tạo độc đáo các thành tựu luật pháp trước đó để đạt đến đỉnh cao nhất của thành tựu luật pháp phong kiến Việt Nam***

Năm 1428, “Quốc triều hình luật” được ban hành với vai trò nổi bật của vị vua anh minh sáng suốt Lê Thánh Tông và xu hướng hưng thịnh của triều đại đang phát triển hưng thịnh, nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, bộ “Quốc triều hình luật” ngày nay chúng ta còn giữ được cho thấy đây không chỉ là thành quả lớn lao ngành lập pháp đời Lê Thánh Tông mà nó được sinh ra trên cơ sở kế thừa nhiều thành tựu lập pháp của các triều đại trước, của Trung Quốc và của các vua đầu triều Lê. Ngay sau khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã ban hành nhiều những quy định về hình phạt và luật lệ kiện tụng, về chức tước các quan văn võ, về phân cấp hệ thống chính quyền địa phương, … Thái Tổ tỏ ra đặc biệt quan tâm đến những vấn đề thời hậu chiến như: hạn chế thế lực và quyền hạn của các quan đại thần, tướng hiệu, việc lập sổ điền, sổ hộ, việc cấm bỏ hoang ruộng đất… nhằm nhanh chóng thiết lập lại kỉ cương nhà nước, trật tự xã hội, củng cố địa vị của Vua, kiểm soát chặt chẽ đất đai, thuế khoá, … Hầu hết các điều khoản ở chương I được ban hành dưới triều đại Thái Tổ – làm cơ sở cho việc áp dụng pháp luật của triều đại mới ngay từ những ngày đầu lên nắm chính quyền. “So sánh hệ thống các hình phạt được quy định tại chương I “Quốc triều hình luật” với những ghi chép về hình phạt dưới thời Thái Tổ trong chính sử, chúng ta thấy có sự trùng khớp hầu như hoàn toàn”2. Theo “Hồng Đức thiện chính thư” – một cuốn sách chép tay, sưu tập những luật lệ dưới thời Hậu Lê (xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XVI) thì có 5 điều khoản trong “Quốc triều hình luật” là những quy định của vua Lê Thái Tông đặt ra và được đưa vào bộ luật này. Đó là các điều khoản: 310, 502, 507, 513, 527 quy định các lĩnh vực khác nhau. Ngoài ra, năm 1434, Lê Thái Tông đã ra một lệnh chỉ quy định về thẩm quyền và trình tự xét xử có đề cậo đến chức danh xã quan và lộ quan. Lệnh này hoàn toàn phù hợp với điều 672 của “Quốc triều hình luật”. Dười thời Nhân Tông, hiện tượng mua bán, chuyển nhượng ruộng đất trở nên phổ biến và thường gây ra những cuộc tranh chấp đòi hỏi phải có quy định rõ ràng để giải quyết. Năm 1449, Lê Nhân Tông ban hành 14 điều luật, bổ sung vào Hình luật chương Điền sản. Và trong “Quốc triều hình luật”, 14 điều này được xếp vào một phần riêng thuộc chương VI với tiêu đề “Điền sản mới tăng thêm” (từ điều 374 đến điều 387). Ngoài ra, “Quốc triều hình luật” còn thừa kế trực tiếp thành tựu từ các bộ luật của triều đại trước như*Hình thư*đời Lý và *Hình thư*nhà Trần. Chủ yếu là “Quốc triều hình luật” trên cơ sở những quy định của hai bộ luật này và bổ sung thêm những yếu tố phù hợp. Ví dụ như bổ sung thêm hai hình phạt đồ, lưu để hoàn chỉnh hệ thống hình phạt. Điều đó được thể hiện ở các điều 9, 24, 26, 51, 411, 412, … Điều 22, 27, 46 hoàn thiện hơn hình phạt biếm được đưa ra từ thời nhà Hồ (1406). Trên cơ sở kế thừa những thành tựu luật pháp từ các đời trước ở trong và ngoài nước như thế, Lê Thánh Tông đã có sự sáng tạo và đóng góp lớn lao để hoàn thiện cơ bản bộ “Quốc triều hình luật”. Phần lớn các luật lệ ban hành dưới thời Lê Thánh Tông được tập hợp trong hai tập tư liệu là Thiên hạ nam dư hạ tập và Hồng Đức thiện chính thư. Khi so sánh hai tập tư liệu này với “Quốc triều hình luật” ta thấy có 83 điều khoản được Lê Thánh Tông đưa thêm “Quốc triều hình luật” (sau khi loại trừ những điều khoản chắc chắn có trước đời Thánh Tông và các điều khoản trùng nhau ở hai tập tư liệu về pháp luật trên). Ngoài ra, chắc chắn còn có nhiều điều khoản Thánh Tông sử dụng của pháp luật thời trước nhưng đã có sửa chữa, bổ sung cho phù hợp với điều kiện đất nước khi đó. Lê Thánh Tông cũng cho tham khảo và tiếp thu chọn lọc pháp luật Trung Hoa. Đầu tiên là học tập về cấu trúc, mô phỏng theo bộ luật nhà Đường (các chương về cơ bản rất giống nhau về tên gọi và phạm vi điều chỉnh). Tuy nhiên, “Quốc triều hình luật” có 4 chương khác là chương 3, 4, 6, 7 và 9 , thể hiện sự độc lập tương đối của các nhà làm luật triều Hậu Lê. Về cách thể hiện điều khoản theo các phát biểu của các nhà luật pháp Trung Quốc: “người nào làm điều X thì phải chịu hình phạt Y”,… Những điều khoản vua Lê Thánh Tông bổ thêm chủ yếu nhằm củng cố chặt chẽ hơn nữa quan hệ vua – tôi và lễ nghi Nho giáo trong gia đình. Đồng thời, những điều khoản đó cũng nhằm hướng tới điều chỉnh những quan hệ xã hội liên quan đến đời sống của nhân dân, trong đó luôn có sự kết hợp hài hoà giữa luật tục, lễ nghi và tư tưởng Nho giáo. Đồng thời, qua đó cho chúng ta thấy tư duy cởi mở của tập đoàn phong kiến Lê Sơ, không bị hạn chế bởi tư tưởng tự tôn cực đoan thường thấy ở các triều đại phong kiến khác mà sẵn sàng tiếp thu và chủ động sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể nước ta thời kỳ đó.